

Số: 08/2024/QĐST-KDTM  
Ngày 15/4/2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA, TỈNH PHÚ YÊN**

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Phan Thị Lệ Siêng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Nhật Hoàng Phương và ông Lương Công Hạnh

Căn cứ vào các điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ hồ sơ vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 58/2023/TLST- KDTM ngày 21 tháng 11 năm 2023.

**XÉT THẤY:**

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:<sup>(4)</sup>

Nguyên đơn: Ngân hàng N; Địa chỉ: số B L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội. Đại diện theo pháp luật ông Phạm Toàn V, chức vụ: Tổng giám đốc. Đại diện ủy quyền: Nguyễn Minh H, chức vụ giám đốc chi nhánh Nam thành phố T (Theo Quyết định ủy quyền số 2665/QĐ-NHNo.PC ngày 01/12/2022). Ông H ủy quyền lại cho ông Cao Tấn T – chức vụ Trưởng phòng Kế hoạch kinh doanh, ngân hàng N - Chi nhánh N thành phố T.

Bị đơn: Dương Tường L – sinh năm 1978; Địa chỉ: khu phố A, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:<sup>(5)</sup>

2.1. Bị đơn Dương Tường L có trách nhiệm trả cho nguyên đơn Ngân hàng N số tiền: 642.324.658 đồng, trong đó gốc 550.000.000 đồng, lãi 92.324.658 đồng về khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 4607-LAV-202201584 ngày 18 tháng 11 năm 2022.

Kể từ ngày 16 tháng 4 năm 2024 cho đến khi thi hành xong bị đơn Dương Tường L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất tại Hợp đồng tín dụng số 4607-LAV-202201584 ngày 18 tháng 11 năm 2022 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành.

2.2. Thời gian, phương thức trả: trả dứt điểm vào ngày 15 tháng 5 năm 2024.

2.3. Trường hợp bị đơn trả hết khoản nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có trách nhiệm hoàn trả lại cho ông L bản gốc: giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS090022

do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh P cấp ngày 26 tháng 6 năm 2020, tại địa chỉ: khu phố A, phường P, thành phố T, Phú Yên cho ông Dương Tường L.

2.4. Nếu đến hạn trả nợ bị đơn chưa trả xong khoản nợ trên thì nguyên đơn được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi số nợ chưa trả như sau: quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với thửa đất số 69, tờ bản đồ 49, tại địa chỉ: khu phố A, phường P, thành phố T, Phú Yên theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS090022 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh P cấp ngày 26 tháng 6 năm 2020, tại địa chỉ: khu phố A, phường P, thành phố T, Phú Yên cho ông Dương Tường L; theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 290620/HĐTC ngày 30/6/2020, hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp số 290620/SĐBS-HĐTC/2022 ngày 18/11/2022.

2.5. Về chi phí tố tụng, án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Bị đơn Dương Tường L chịu 29.693.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng N số tiền 13.987.000 đồng tạm ứng án phí tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012738 ngày 20 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa.

Bị đơn Dương Tường L có trách nhiệm hoàn trả nguyên đơn Ngân hàng N số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 2.000.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND thành phố Tuy Hòa
- TAND tỉnh Phú Yên
- Các đương sự
- Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phan Thị Lệ Siêng**

**Hướng dẫn sử dụng mẫu số 39-DS:**

(1) Ghi tên Tòa án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Tòa án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Tòa án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 56/2017/QĐST-KDTM).

(3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).

(4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.

(5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).

(6) Phần cuối cùng của Quyết định cần phải có đầy đủ chữ ký, họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử (Quyết định này phải lưu vào hồ sơ vụ án); Quyết định gửi cho các đương sự, cơ quan, tổ chức khởi kiện và Viện kiểm sát cùng cấp thì cần ghi như sau:

***Nơi nhận:***

- Ghi theo quy định tại đoạn 2 khoản 1 Điều 212 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
*(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*



